

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2026 – 2027

Áp dụng từ ngày 05/10/2026

I. CÁC LỚP THUỘC BỘ MÔN NGOẠI NGỮ.

		17DNNA1	17DNNA2	18DNNA1	18DNNA2	18DNNA -Nhóm 1	18DNNA – Nhóm 2	18DNNA–Nhóm 3
2	S	Ngữ nghĩa học C. Loan – 4T P.20 -KHXXH				Dẫn luận ngôn ngữ Anh T. Châu - 4t P.19 - KHXXH	Nghe nói C1.2 C. Ý – 4T P.30– K. KT&L	Độc hiểu C1.2 C. Oanh – 4t P. 31 - K. KT&L
	C					Viết C1.2 C. An – 3T P. 23 - KHXXH		
3	S		Ngữ nghĩa học C. Loan – 4T P.20 -KHXXH			Độc hiểu C1.2 C. Oanh – 4t P. 31- K. KT&L		Dẫn luận ngôn ngữ Anh T. Châu - 4t P.19 - KHXXH
	C	Tiếng Anh thương mại C. Thảo – 4T P.16 – K KT&CN	Tiếng anh báo chí C. Út – 3t P.30 – K.KT&L					
4	S		Biên dịch T. Châu - 4t P.22 - KHXXH				Dẫn luận đất nước học Anh C. Sang – 4T P.24 – K. KT&L	
	C	Tiếng anh báo chí C. Út – 3t P.22 - KHXXH	Tiếng Anh thương mại C. Thảo – 4T P.31 – K.K&L					Viết C1.2 C. An – 3T P. 30 – K. KT&L
5	S						Dẫn luận ngôn ngữ Anh T. Châu - 4t P.19 - KHXXH	Nghe nói C1.2 C. Út – 4T P. 16 – KT&CN
	C	Cú pháp học T. Út – 4T P. 32 – K KT&L	Tiếng Anh du lịch T. Thành – 4T P. 22 KHXXH				Thống kê xã hội học T. Linh – 4t P.23 KHXXH	
6	S	Biên dịch T. Châu - 4t				Nghe nói C1.2 C. Út – 4T	Độc hiểu C1.2 T. Trung – 4T	Thống kê xã hội học T. Linh – 4t

		P.23 - KHXH				P. 16 – KT&CN	P.27-KT&L	P.31 K KT&L
	C		Cú pháp học T. Út – 4T P. 20 – KHXH			Thống kê xã hội học T. Linh – 4t P.22 KHXH	Viết C1.2 C. Huyền – 3T P. 31 – K.KT&L	Dẫn luận đất nước học Anh T. Nghĩa – 3T P.16 –K.KT&CN
7	S			Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam T. Phước – 4T P.21 - KHXH				
	C	Tiếng Anh du lịch T. Thành – 4T P. 30 K.KT&L				Dẫn luận đất nước học Anh T. Nghĩa – 3T P.16 – K. KT&CN		

		19DNNA1	19DNNA2	19DNNA3	20DNNA1 Nhóm 1	20DNNA2 Nhóm 2	20DNNA3 Nhóm 3	20DNNA1	20DNNA2
2	S	Nghe-Nói B2.2 C. Út – 4T P. 23 – KHXH	Viết B2.2 T. Út – 4T P. 32 – K. KT&L		Triết học Mác – Lênin T. Phương – 4T P.18 - KHXH				
	C	Pháp luật đại cương C. Khuyên – 4T P.31 – K.KT&L		Nghe-Nói B2.2 C. Út – 4T P. 32 – K. KT&L		Ngữ pháp cơ bản C. Oanh – 3T P. C5 – K.KT&L (Cs2)		Năng lực số và Ứng dụng AI T. Bảo -4t P.18 -CS2	
3	S	CNXH khoa học C. Trang – 3t P.GĐ3 – K. KT&L			Ngữ âm thực hành cơ bản C. Ý – 4T P.18 - KHXH				ĐK & B.Chuyên T. Viên – 4t (Sân vận động tỉnh)
	C	Viết B2.2 T. Út – 4T P. 22 – KHXH	Tiếng Pháp căn bản 2 T. Thoại – 4T P.19 – KHXH	Pháp luật đại cương C. Khuyên – 4T P.21 - KHXH				ĐK & Pickleball C. Thu – 4t (Sân vận động tỉnh)	Năng lực số và Ứng dụng AI T. Bảo -4t P. 20 – KHXH

4	S	Độc hiểu B2.2 T. Trung – 4T P.16 – K. KT&CN		Viết B2.2 T. Út – 4T P. 32 – K. KT&L	Độc hiểu B1 C. An – 4T P. 18 - KHXH	Viết B1 C. Loan – 4T P.19 - KHXH	Ngữ âm thực hành cơ bản C. Ý – 4T P.31 – K. KT&L		
	C	Tiếng Pháp căn bản 2 T. Tòng – 4T P.16 - K.KT&CN	Pháp luật đại cương C. Khuyên – 4T P.32 – KKT&L	Độc hiểu B2.2 T. Trung – 4T P.19 - KHXH			Nghe-Nói B1 C. Huyền - 4T P.18 -KHXH		
5	S		Tiếng Việt thực hành C. Nường – 3T P. 23 - KHXH		Viết B1 C. Loan – 4T P.22 - KHXH	Ngữ âm thực hành cơ bản C. Ý – 4T P.30 – K. KT&L	Ngữ pháp cơ bản T. Trung – 4T P.32 – K. KT&L		
	C		Nghe-Nói B2.2 C. Sang – 4T P. 18 – KHXH	Tiếng Việt thực hành C. Nường – 4T P.19 - KHXH	Nghe-Nói B1 C. Huyền - 4T P.21 -KHXH				Năng lực số và Ứng dụng AI T. Bảo -4t (Phòng máy)
6	S	Tiếng Việt thực hành C. Nường – 3T P. 21 -KHXH			Ngữ pháp cơ bản C. Oanh – 4T P.30 – K. KT&L	Nghe-Nói B1 C. Loan – 4T P.22 - KHXH	Viết B1 C. Sang – 4T P.25 -K.KT&L		
	C	Kỹ Năng giao tiếp C. Vy – 4T P.18 – KHXH		Tiếng Pháp căn bản 2 T. Tòng – 4T P.30 – K. KT&L				ĐK & Pickleball C. Thu – 4t (Sân vận động tỉnh)	ĐK & B.Chuyên T. Viên – 4t (Sân vận động tỉnh)
7	S		Độc hiểu B2.2 C. Huyền – 4T P. 30 K. KT&L	Kỹ Năng giao tiếp T. Triều Dương – 4T P. 23 -KHXH			Độc hiểu B1 C. Thảo – 4T P.31- KKT&L		
	C		Kỹ Năng giao tiếp T. Triều Dương – 4T P. 22 -KHXH			Độc hiểu B1 C. Thảo – 4T P.21– KHXH		Năng lực số và Ứng dụng AI T. Bảo -4t (Phòng máy)	

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2026 – 2027

Áp dụng từ ngày 05/10/2026

II. CÁC LỚP THUỘC BỘ MÔN VIỆT NAM HỌC

		17DTVVHVN	18DTVVHVN1	18DTVVHVN2	18DTVVHVN1+ 18DQTDL&LH	18DTVVHVN2 +19DVHDL
2	S		Thực hành văn bản tiếng Việt C. Nương – 4T P. 22 - KHXH			
	C		Văn hoá Đông Nam Á C. Liên – 3T P.30 – KHXH	Thực hành văn bản tiếng Việt C. Nương – 4T P. 22 - KHXH		
3	S		Báo chí truyền thông đại cương T. Lam - 4T P. 30 – K. KT&L			
	C	Ngữ pháp chức năng C. Đỗ Liên – 4t P.18 - KHXH		Văn hoá Đông Nam Á C. Liên – 3T P. 32 – K. KT&L		
4	S	Các tôn giáo trên thế giới và Việt Nam C. Thu Trang – 4t P. 20 - KHXH	Văn hoá ẩm thực Việt Nam C Phương -3T P.24 - K. KT&L	Báo chí truyền thông đại cương T. Lam - 4T P. 30 – K. KT&L		
	C	Nghệ thuật tổ chức sự kiện và lễ hội C. Trân- 3T P. 25 – K.KT&L		Văn hoá ẩm thực Việt Nam C Phương -3T P.21 - KHXH		
5	S		Kỹ thuật chụp ảnh và quay video	Kỹ năng thuyết minh du lịch		

			T. Đặng Anh Rô – 4T (Thực hành tại quảng trường Hùng Vương)	C. Trân – 4T P.24 – KT&L		
	C		Kỹ năng thuyết minh du lịch C. Trân – 3T P.31 - K.KT&L	Kỹ thuật chụp ảnh và quay video T. Đặng Anh Rô – 4T (Thực hành tại quảng trường Hùng Vương)		
6	S	Văn hoá giao tiếp - ứng xử C. Trân – 4T P.32 - K.KT&L	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam C. Kiều – 4t P.GD2 – K.KT&L			
	C	Phong cách học tiếng Việt T. Ngọc – 3T P. 32 – K. KT&L			Địa lí du lịch Việt Nam C. Linh – 4T (Thông báo lịch học sau)	
7	S	Văn học Việt Nam hiện đại 2 (1975 - nay) C. Vân – 4T P. 32 – K.KT&L		Kỹ thuật chụp ảnh và quay video T. Đặng Anh Rô – 4T P. 20 – KHXH		
	C	Phong tục và lễ hội ở Việt Nam T. Hưng – 3t P.18 - KHXH	Kỹ thuật chụp ảnh và quay video T. Đặng Anh Rô – 4T P. 20 – KHXH			Địa lí du lịch Việt Nam C. Linh – 4T P.32 – K.KT&L

Ghi chú: Tiếng Việt cho người nước ngoài – C. Trang – 2T sáng thứ 3 (P. LDK)

		19DTVVHVN1	19DTVVHVN2	19DVHDL	19DTVVHVN1 +19DVHDL	20DTVVHVN1	20DTVVHVN2	20DTVVHVN3
2	S		Tổng quan du lịch C. Trân – 4T P.21 - KHXH	Lịch sử văn minh TG T. Hiếu – 4t P.16 – KT&CN				

	C	Tổng quan du lịch C. Trân – 4T P.19 - KHXH	Văn hóa các dân tộc Việt Nam C. Phương – 4T P.20 - KHXH			Lịch sử Việt Nam ĐC T. Hiếu – 4t P.16 – K. KT&CN	Năng lực số và Ứng dụng AI T. Út Chính – 4t (P. Máy 3)	Triết học Mác – Lênin T. Phương – 4T P.21 -KHXH
3	S	Văn học Trung đại Việt Nam C. Nương – 4T P. 22 - KHXH	Môi trường và Phát triển C. Xuân – 4T P.23 – KHXH	Phương pháp NCKH C. Phương – 4T P. 24 –K. KT&L		Tâm lý học đại cương T. Công – 4t P.16 – K. KT&CN	Lịch sử Việt Nam ĐC T. Hiếu – 4t P.21 – KHXH	Điền kinh & Bóng Chuyền T.Mai (Sân vận động tỉnh)
	C	CNXH khoa học C. Trang – 3t P. GD3 – K. KT&L				Năng lực số và Ứng dụng AI T. Út Chính – 4t (P. Máy 5)	Thống kê xã hội học T. Minh – 4t P.23 KHXH	Lịch sử Việt Nam ĐC T. Hiếu – 4t P.31 - K. KT&L
4	S	Môi trường và Phát triển C. Xuân – 4T P.10 – K.NN&TS	Từ vựng tiếng Việt T. Hoàng – 4t P. 21 - KHXH			Ngôn ngữ học đại cương T. Tùng – 4T P.23 - KHXH	C. Lông T. Phúc – 4t (Sân vận động tỉnh)	Năng lực số và Ứng dụng AI T. Út Chính – 4t Phòng máy
	C	Quản Trị văn phòng C. Quế - 4T (Lịch học TB sau)				ĐK & C. Lông T. Viên – 4t (Sân vận động tỉnh)	Năng lực số và Ứng dụng AI T. Út Chính – 4t (P. Máy 3)	Ngôn ngữ học đại cương T. Tùng – 4T P.20 - KHXH
5	S	Từ vựng tiếng Việt T. Hoàng – 4t P.31 - K. KT&L	Tiếng Anh căn bản 2 C. An – 3T P. 18 - KHXH			Cơ sở văn hóa Việt Nam C. Phương – 4T P.21 -KHXH	Ngôn ngữ học đại cương T. Tùng – 4T P.20 - KHXH	Thống kê xã hội học T. Minh – 4t P.25 K.KT&L
	C	Văn hóa các dân tộc Việt Nam C. Phương – 4T P.25 – K.KT&L	Quản Trị văn phòng C. Quế - 4T (Lịch học TB sau)		Tiếng Anh căn bản 2 C. Loan – 4T P.30 - KHXH	Thống kê xã hội học T. Minh – 4t P.20 - KHXH		Năng lực số và Ứng dụng AI T. Út Chính – 4t (P. Máy 1)
6	S			Các tôn giáo trên thế giới và Việt Nam C. Thu Trang – 3t P. 20 - KHXH		ĐK & C. Lông T. Viên – 4t (Sân vận động tỉnh)	Cơ sở văn hóa Việt Nam C. Phương – 4T P.19 -KHXH	Điền kinh & Bóng Chuyền T.Mai (Sân vận động tỉnh)

	C		Văn học Trung đại Việt Nam C. Nường – 3T P. 23 - KHXH	Di tích - danh thắng Việt Nam C. Trân – 3T P.21 - KHXH		Triết học Mác – Lênin T. Phương – 4T P. GD3 – K. KT&L		Cơ sở văn hóa Việt Nam C. Phương – 4T P.19 – KHXH
7	S				Tiếng Anh căn bản 2 C. Loan – 4T P.18 - KHXH		Tâm lý học đại cương T. Công – 4t P. 19 – KHXH	
	C					Năng lực số và Ứng dụng AI T. Út Chính – 4t (P. Máy 1)	Điền kinh T. Phúc – 4t (Sân vận động tỉnh)	Tâm lý học đại cương T. Công – 4t P. 19 - KHXH

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2026 – 2027

Áp dụng từ ngày 05/10/2026

I. CÁC LỚP THUỘC KHOA KINH TẾ VÀ LUẬT

		18DKT1	18DKT2	18DTCNH	18DQTDL&LH	18DQTKD + 18DQTDL&LH	18DTVHVHN1+ 18DQTDL&LH
2	S	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam C. Kiều – 4t					
	C						
3	S			Anh văn chuyên ngành T. Bảo – 4T			
	C				Tiếng Anh chuyên ngành DL&LH 2 T. Thành – 4T		

4	S						Địa lí du lịch Việt Nam C. Linh – 4T (Học từ tháng 10)
	C					Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam T. Phước – 4T	
5	S						
	C						
6	S						
	C						
7	S				Tuyển điểm du lịch C. Trân – 4T		
	C			Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam T. Phước – 4T			

		19DQTKD1	19DQTKD2	19DKT1	19DKT2	19DTCNH1	19DTCNH2
2	S						
	C						
3	S						Tiếng Anh căn bản 3 T. Nghĩa - 4T
	C						
4	S			Tiếng Anh căn bản 3 C. Thảo – 4T	Tiếng Anh căn bản 3 T. Nghĩa - 4T	Tiếng Anh căn bản 3 T. Bảo – 4t	

	C						
5	S	Tiếng Anh căn bản 3 C. Oanh – 4T		CNXH khoa học C. Trang – 3t			
	C					CNXH khoa học C. Trang – 3t	
6	S						
	C		Tiếng Anh căn bản 3 T. Thành – 4T				
7	S	CNXH khoa học C. Cẩm Lệ - 4T					
	C						

		20DTCNH1	20DTCNH1	20DKT1	20DKT2	20DQTKD
2	S					
	C			Soạn thảo VB C. Quế - 4T		
3	S					
	C					Tiếng Anh cơ bản 1 C. Hạnh - 4T
4	S			Triết học Mac – Lênin T. Khang – 4T		
	C		Tiếng Anh cơ bản 1 C. Cẩm – 4T		Tiếng Anh căn bản 1 T. Nam Trung - 4T	Triết học Mac – Lênin T. Khang – 4T
5	S			Tiếng Anh căn bản 1 C. Đào – 4T		

	C				Soạn thảo VB C. Quế - 4T	
6	S	Triết học Mac – Lênin T. Khang – 4T				
	C	Tiếng Anh cơ bản 1 C. Cầm – 4T				
7	S	Soạn thảo văn bản C. Quyên – 4T				
	C		Soạn thảo văn bản C. Quyên – 4T			

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2026 – 2027

Áp dụng từ ngày 05/10/2025

II. CÁC LỚP THUỘC KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

		18DCNPM	18DCNTT1	18DCNTT2	19DCNTT1	19DCNTT2	19DCNPM	20DCNTT1	20DCNTT2	20DCNPM
2	S				Tiếng Anh căn bản 3 C. An – 4T		Tiếng Anh căn bản 3 C. Sang -4T			
	C									
3	S				CNXH khoa học C. Thoảng -4T					

	C							Triết học Mác – Lênin T. Hiệp - 4t		
4	S									
	C									Triết học Mác – Lênin T. Hiệp - 4t
5	S					Tiếng Anh căn bản 3 T. Bảo – 4T			Tiếng Anh cơ bản 1 T. Đồng – 4T	
	C									
6	S									
	C									
7	S									
	C	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam C. Kiều – 4t						Tiếng Anh cơ bản 1 T. Tài – 4T		Tiếng Anh cơ bản 1 T. Hải – 4T

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2026 – 2027

Áp dụng từ ngày 05/10/2025

II. CÁC LỚP THUỘC KHOA SƯ PHẠM

		20SPT	20DSPH	20DSPA	18CGDMN	19DGDTH1	19DGDTH2	19DGDTH3
2	S							
	C							
3	S							
	C	Triết học Mác – Lênin T. Phương – 4T GD5						
4	S						Tiếng Anh căn bản 2	

							C. Oanh – 4T	
	C				Đường lối CM của Đảng CSVN C. Kiều – 3T	CNXH khoa học C. Thoảng -4T GD5		
5	S							Tiếng Anh căn bản 2 T. Út – 4T
	C					Tiếng Anh căn bản 2 T. Trung – 4T		
6	S			Tiếng Anh cơ bản 1 C. Cầm – 4T (Lịch học thông báo sau)				
	C							
7	S	Tiếng Anh cơ bản 1 T. Tài – 4T						
	C		Tiếng Anh cơ bản 1 T. Đồng – 4T					

		19DGDMN	18DGDTH1	19DGDTH2	19DGDTH3
2	S				
	C				
3	S				
	C	Tiếng Anh căn bản 2 T. Bảo – 4T			
4	S				

	C		Văn học thiếu nhi T. Ngọc -4T		
5	S				
	C				Văn học thiếu nhi T. Ngọc -4T
6	S				
	C				
7	S				
	C			Văn học thiếu nhi T. Ngọc -4T	

		20DGDTH1	20DGDTH2	20DGDTH3	20DGDTH4	20CGDMN1	20CGDMN2	20CGDMN3
2	S							
	C							
3	S							Những nguyên lý CB của CN Mác – Lênin T. Phương -4T
	C							
4	S					Những nguyên lý CB của CN Mác – Lênin C. Thoảng – 4T GD5		
	C							
5	S	Triết học Mác – Lênin T. Phương – 4T GD5						
	C							Những nguyên lý CB của CN Mác – Lênin T. Phương -4T
6	S			Triết học Mác – Lênin				

				T. Phương – 4T GD5				
	C							
7	S					Những nguyên lý CB của CN Mác – Lênin C. Thoảng – 4T		
	C							

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2026 – 2027

Áp dụng từ ngày 05/10/2025

III. CÁC LỚP THUỘC KHOA NÔNG NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

		18DNTTS-25 18DNTCNC-26 18DBVTV-10 18DKHMT-4 18DCNTY-12	19DCNTY	20DKHMT + 20DBVTV	20DNTCNC	20DCNTY	20DNTCNC 20DCNTY 20DKHMT + 20DBVTV
2	S		Tiếng Anh căn bản 3 T. Nghĩa - 4T				
	C						
3	S						
	C	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam T. Phước – 4T					
4	S						
	C						
5	S						
	C					Tiếng Anh cơ bản 1 T. Đồng – 4T	
6	S			Tiếng Anh cơ bản 1 T. Hải – 4T			

	C				Tiếng Anh cơ bản 1 T. Tài – 4T		
7	S						Triết học Mac – Lênin T. Khang – 4T
	C						

		19DBVTV-20 19DKHMT-12	19DNTCNC	19DNTTS1	19DNTTS2	19DNTCNC-36 19DBVTV-20 19DCNTY-21 19DKHMT-12	20DNTTS1 + 20DNTTS2	20DNTTS1	20DNTTS2
2	S			Tiếng Anh căn bản 3 T. Trung – 4T					
	C								
3	S				Tiếng Anh cơ bản 1 C. Ngân – 4T				
	C								
4	S								
	C								
5	S			CNXH khoa học C. Cẩm Lệ - 4T (Lịch học thông báo sau)				Tiếng Anh cơ bản 1 C. Ngân – 4T	
	C								
6	S	Tiếng Anh căn bản 3 C. Ý – 4T	Tiếng Anh căn bản 3 T. Bảo – 4T						Tiếng Anh cơ bản 1 C. Bích – 4T
	C								
7	S							Tiếng Anh cơ bản 1 C. Ngân – 4T	

	C					CNXH khoa học C. Cẩm Lệ - 4T	Triết học Mac – Lênin T. Khang – 4T		

THÔNG TIN GIẢNG VIÊN

TT	Họ và tên	Số điện thoại	Email	Ghi chú
I	Lãnh đạo Khoa			
1	Trương Thu Trang	0939.818269	tttrang@blu.edu.vn	Trưởng khoa
II	Văn phòng Khoa			
2	Đỗ Chí Tâm	0845.505005	dctam@blu.edu.vn	
III	Bộ môn Lí luận chính trị			
3	Diệp Kiều Trang	0918663148	dktrang@blu.edu.vn	Trưởng Bộ môn
4	Son Thanh Thoảng	0945.971.185	stthoang@blu.edu.vn	
5	Trương Thị Kiều	0944.878527	ttkieu@blu.edu.vn	
6	Trần Tam Phương	0913806429	ttphuong@blu.edu.vn	
IV	Bộ môn Ngoại ngữ			
7	Nguyễn Ái Hoàng Châu	0918.480.131	nahchau@blu.edu.vn	Trưởng Bộ môn
8	Phạm Thanh Loan	0982.299.295	ptloan@blu.edu.vn	Phó Trưởng Bộ môn
9	Nguyễn Trúc An	0944.212.403	ntan@blu.edu.vn	
10	Nguyễn Hiếu Trung	0919.753.783	nhtrung@blu.edu.vn	
11	Tạ Thị Kim Oanh	0916.337.654	ttkoanh@blu.edu.vn	
12	Nguyễn Thị Sang	0919.747.633	ntsang@blu.edu.vn	
13	Võ Thị Ngọc Huyền	0945.762.545	vtnhuyen@blu.edu.vn	
14	Nguyễn Văn Út	0946.463.232	nvut@blu.edu.vn	
15	Ngô Ngọc Thảo	0943.288.579	nnthao@blu.edu.vn	
16	Liên Trọng Nghĩa	0835.575.799	ltnghia@blu.edu.vn	
17	Huỳnh Thị Út	0949.436.959	htut@blu.edu.vn	
18	Nguyễn Thanh Tòng	0917.548.248	nttong@blu.edu.vn	
19	Lê Minh Thoại	0939.239.765	lmthoi@blu.edu.vn	
20	Sâm Ngọc Khả Tú	0793.659.644	snktu@blu.edu.vn	

TT	Họ và tên	Số điện thoại	Email	Ghi chú
21	Trương Thị Như Ý	0972.996.939	ttny@blu.edu.vn	
22	Dương Thế Bảo	0776.514.675	dtbao@blu.edu.vn	
23	Châu Vĩnh Thành	0907187084		
V	Bộ môn Việt Nam học			
24	Lê Kiều Nương	0974.277.402	lknuong@blu.edu.vn	Trưởng Bộ môn
25	Dương Minh Ngọc	0919.434.845	dmngoc@blu.edu.vn	
26	Lưu Thị Liên	0914.967.349	ltlien@blu.edu.vn	
27	Lữ Thị Thuỳ Vân	0939.096.318	littvan@blu.edu.vn	
28	Võ Thị Diễm Phương	0973.647.503	vtdphuong@blu.edu.vn	
29	Phạm Thị Kiều Trân	0949960603	ptktran@blu.edu.vn	
30	Nguyễn Phước Hưng	0907.071.441	nphung@blu.edu.vn	